

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2018/HNGĐ-ST
Ngày 11-5-2018
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trương Minh Huế.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Lợi.

Ông Nguyễn Duy Tuân.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Liên - Thư ký Toà án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện A tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Ngọc Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 76/2018/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2018 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị N, nơi ĐKKHKT: Thôn B, xã H, huyện A, thành phố Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn P, xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Việt Đ, nơi cư trú: Thôn B, xã H, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện, tại Bản tự khai, nguyên đơn là chị Bùi Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Nguyễn Việt Đ trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện A, Hải Phòng vào ngày 01 tháng 4 năm 2016. Sau khi kết hôn, chị về chung sống cùng gia đình anh Đ tại thôn B, xã H, huyện A, Hải Phòng. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 7 năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Đ mãi chơi không quan tâm trách nhiệm đến gia đình. Chị có góp ý nhưng anh Đ không tiếp thu nên vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm đánh cãi chửi nhau. Mâu thuẫn đã được gia đình bố, mẹ hai bên và chính quyền địa phương hòa giải nhưng không có kết quả. Hiện tại chị đã bỏ về cư trú cùng với bố, mẹ đẻ chị ở thôn P, xã L, huyện T, Hải Phòng sống ly thân với anh Đ. Nay chị xác định tình cảm vợ

chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Việt Đ.

Về con chung: Chị và anh Đ có một con chung là Nguyễn Việt Ph, sinh ngày 24 tháng 9 năm 2017. Chị đề nghị Tòa án giao con chung cho chị nuôi dưỡng và yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con cho chị mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai bị đơn là anh Nguyễn Việt Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian, điều kiện kết hôn và quá trình chung sống của anh và chị N theo như chị N đã khai là đúng. Trong cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh mãi chơi chưa quan tâm, trách nhiệm đến gia đình, mặt khác do chị N có thái độ ứng xử không được khéo léo, tệ nhị đối với bố, mẹ anh nên vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm đánh cãi chửi nhau. Do mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nên hiện tại chị N đã bỏ về cư trú cùng với bố, để chị N ở huyện T, Hải Phòng, vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Nay anh xác định anh vẫn còn tình cảm với chị N nên chị N xin ly hôn, anh không đồng ý. Anh đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ.

Về con chung: Anh và chị N có một con chung theo như lời khai chị N đã trình bày là đúng. Trường hợp Tòa án giải quyết cho anh và chị N ly hôn, anh đề nghị Tòa án giao con chung cho chị N nuôi dưỡng, anh có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị N mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện A phát biểu ý kiến:

- *Về tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn đã không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo thông báo của Tòa án đã vi phạm các điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung:* Căn cứ khoản 1, Điều 28; Điều 147; khoản 1, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 39 Bộ luật Dân sự; các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Bùi Thị N, giao con chung Nguyễn Việt Ph, sinh ngày 24 tháng 9 năm 2017 cho chị N nuôi dưỡng, buộc anh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị N, không xem xét, giải quyết về tài sản. Chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, anh Đ phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về việc xét xử vắng mặt đương sự:* Nguyên đơn chị Bùi Thị N và bị đơn anh Nguyễn Việt Đ vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng

mặt, nên căn cứ khoản 1, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Bùi Thị N và anh Nguyễn Việt Đ.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Căn cứ lời khai các đương sự, căn cứ các tài liệu, chứng cứ do các đương sự cung cấp và các chứng cứ do Tòa án thu thập đã có đủ cơ sở xác định: Chị Bùi Thị N và anh Nguyễn Việt Đ kết hôn với nhau do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện A, Hải Phòng vào ngày 01 tháng 4 năm 2016. Trong cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh Đ mãi chơi, không quan tâm trách nhiệm với gia đình, nên vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm đánh cãi chửi nhau. Hiện tại vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh Đ đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, việc chị N xin ly hôn là có cơ sở chấp nhận. Anh Đ xác định anh vẫn còn tình cảm với chị N và không đồng ý ly hôn nhưng anh Đ cũng không có biện pháp gì để khắc phục mâu thuẫn vợ chồng. Hơn nữa, Tòa án đã nhiều lần báo anh Đ đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải song anh Đ đều vắng mặt không có lý do. Vì vậy, việc anh Đ không đồng ý ly hôn chỉ là gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án nên không có cơ sở chấp nhận.

[3] *Về con chung*: Chị Bùi Thị N và anh Nguyễn Việt Đ có một con chung là Nguyễn Việt Ph, sinh ngày 24 tháng 9 năm 2017. Chị N và anh Đ đều có quan điểm đề nghị Tòa án giao con chung cho chị N nuôi dưỡng, anh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị N 2.000.000 đồng/tháng. Xét thấy, quan điểm của chị N và anh Đ là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, nên chấp nhận.

[4] *Về tài sản chung*: Chị Bùi Thị N và anh Nguyễn Việt Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét giải quyết, khi nào các đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[5] *Về án phí*: Chị Bùi Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, anh Nguyễn Việt Đ phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1, Điều 28; Điều 147; khoản 1, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự;
- Căn cứ các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ Điều 6; điểm a, khoản 5, và điểm đ, khoản 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Bùi Thị N được ly hôn anh Nguyễn Việt Đ.

2. *Về con chung*: Giao con chung Nguyễn Việt Ph, sinh ngày 24 tháng 9 năm 2017 cho chị Bùi Thị N nuôi dưỡng. Anh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị N 2.000.000 (Hai triệu) đồng/tháng. Thời hạn nuôi con và cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày 12 tháng 5 năm 2018 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. *Về án phí*: Chị Bùi Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ly hôn đã nộp theo Biên lai thu tiền số 15045 ngày 20 tháng 3 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A. Chị Bùi Thị N đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Anh Nguyễn Việt Đ phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con để sung công quỹ Nhà nước.

Đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con nêu trên, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền cấp dưỡng, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2, Điều 357 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện A;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện A;
- UBND xã H;
- Dương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trương Minh Huế

